TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **25/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2020
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn 05, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn 05, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày*:* Thì chị Phạm Thị L và anh Trần Văn N lấy nhau vào ngày 08 tháng 6 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã R, huyện Ml, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình. Do đó, anh, chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị Pham Thị Liên thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: trong quá trình chung sống anh, chị có với nhau 02 con chung là cháu Trần Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 01/5/2015 và cháu Trần Phạm Quỳnh

N, sinh ngày 17/4/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Đối với bị đơn anh Trần Văn N:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Trần Văn N nhưng anh Trần Văn N vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Trần Văn N có mặt tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:* Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị L và anh Trần Văn N thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N; Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 01/5/2015 và cháu Trần Phạm Quỳnh N, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn N, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn N đang cư trú tại thôn 05, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn N hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Trần Văn N cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh Trần Văn N đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trần Văn N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn N là phù hợp.

Ngày 23/7/2020, chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị L:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 08/6/2016. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị Phạm Thị L thừa nhận chị không còn tình cảm với anh Trần Văn N, không muốn tiếp tục chung sống với nhau và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị L và giải quyết cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Văn Nam.

[2.2] Về con chung: Do anh Trần Văn N không tới Tòa án làm việc nên cũng không biết được quan điểm của anh Trần Văn N về việc nuôi con chung, bên cạnh đó hai cháu Trần Phạm Tuấn Đ và Trần Phạm Quỳnh N còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, bên cạnh đó chị Phạm Thị L có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Chính vì vậy cần giao cháu Trần Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 01/5/2015 và cháu Trần Phạm Quỳnh N, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Phạm Thị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N (chấm dứt quan hệ hôn nhân)

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 01/5/2015 và cháu Trần Phạm Quỳnh N, sinh ngày 17/4/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Phạm Thị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 0002040 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã R, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh